

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng kiểm toán nhà nước

TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Kiểm toán nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 916/2005/NQ-UBTVQH 11 ngày 15 tháng 9 năm 2005 của

Ủy ban Thường vụ Quốc hội về cơ cấu tổ chức của Kiểm toán Nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 1053/2006/NQ-UBTVQH 11 ngày 10/11/2006 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội giải thích khoản 6 Điều 19 của Luật Kiểm toán nhà nước;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế làm việc của Hội đồng kiểm toán nhà nước.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Kiểm toán Nhà nước, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

QUY CHẾ LÀM VIỆC

CỦA HỘI ĐỒNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 06/2008 /QĐ- KTNN

Ngày 05 tháng 5 năm 2008 của Tổng Kiểm toán Nhà nước)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về nguyên tắc, chế độ trách nhiệm, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, lề lối làm việc và mối quan hệ công tác của Hội đồng kiểm toán nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này được áp dụng đối với các thành viên của Hội đồng kiểm toán nhà nước, các tổ chức và cá nhân có quan hệ làm việc với Hội đồng kiểm toán nhà nước.

Điều 3. Thành lập và giải thể Hội đồng Kiểm toán Nhà nước

Hội đồng kiểm toán nhà nước (sau đây được gọi là Hội đồng) do Tổng Kiểm toán Nhà nước thành lập để tư vấn cho Tổng Kiểm toán Nhà nước thẩm định các báo cáo kiểm toán quan trọng hoặc tái thẩm định các báo cáo kiểm toán theo kiến nghị của đơn vị được kiểm toán và giúp Tổng Kiểm toán Nhà nước xử lý các kiến nghị về báo cáo kiểm toán.

Hội đồng tự giải thể sau khi kết thúc nhiệm vụ.

Điều 4. Nguyên tắc và cách thức làm việc của Hội đồng

1. Đảm bảo nguyên tắc làm việc theo quy định tại Điều 26 Luật Kiểm toán nhà nước, cụ thể như sau:

a) Thảo luận tập thể, biểu quyết theo đa số, ý kiến thiểu số được bảo lưu và báo cáo Tổng Kiểm toán Nhà nước;

b) Các ý kiến của thành viên Hội đồng được ghi vào biên bản của Hội đồng. Biên bản và các tài liệu khác của Hội đồng được bảo quản, lưu giữ trong hồ sơ kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

2. Hội đồng chỉ họp khi phải có ít nhất 2/3 số thành viên có mặt, trong đó có Chủ tịch Hội đồng.

3. Kết quả biểu quyết phải được ít nhất 2/3 số thành viên có mặt của Hội đồng tán thành.

Trong trường hợp kết quả biểu quyết không quá 2/3 số thành viên có mặt của Hội đồng thì Chủ tịch Hội đồng kết luận và báo cáo Tổng Kiểm toán Nhà nước quyết định.

Chương II

NHIỆM VỤ, CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ LỀ LỐI LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

Điều 5. Cơ cấu của Hội đồng

1. Các thành viên của Hội đồng

a) Chủ tịch Hội đồng kiểm toán nhà nước: Phó Tổng Kiểm toán nhà nước.

Trong trường hợp đối tượng kiểm toán liên quan đến bí mật nhà nước và an ninh quốc gia, Tổng Kiểm toán Nhà nước là Chủ tịch Hội đồng kiểm toán nhà nước.

b) Một Phó Chủ tịch Hội đồng kiểm toán nhà nước.

c) Các thành viên khác của Hội đồng, gồm:

- Các thành viên là đại diện lãnh đạo của Vụ Tổng hợp, Vụ Pháp chế, lãnh đạo một số Vụ tham mưu, Kiểm toán Nhà nước chuyên ngành, Kiểm toán Nhà nước khu vực có liên quan;

- Tổ trưởng Tổ thư ký Hội đồng;

- Căn cứ từng trường hợp cụ thể, Tổng Kiểm toán Nhà nước mời các chuyên gia, nhà khoa học am hiểu sâu về từng lĩnh vực có liên quan đến hoạt động kiểm toán không thuộc Kiểm toán Nhà nước tham gia Hội đồng.

2. Tổ thư ký giúp việc Hội đồng, gồm:

a) Tổ trưởng là lãnh đạo cấp Vụ thuộc Vụ Tổng hợp;

b) Các tổ viên khác gồm cán bộ của một số đơn vị có liên quan.